

Số: 290/CSDL-THCSTT

Bình Chánh, ngày 01 tháng 08 năm 2023

CƠ SỞ DỮ LIỆU TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

I. Thông tin chung của nhà trường

Tên trường (theo quyết định thành lập): 510/QĐ-UB ngày 20.7.1985

Tiếng Việt: Trường Trung học cơ sở Tân Túc

Tiếng Anh (nếu có): Không

Tên trước đây (nếu có): Trường PTCS cấp 2 Tân Túc

Cơ quan chủ quản: Ủy Ban Nhân Dân Huyện Bình Chánh

Tỉnh / thành phố trực thuộc Trung ương:	Tp.Hồ Chí Minh
Huyện / quận / thị xã / thành phố:	Huyện Bình Chánh
Xã / phường / thị trấn:	Xã Tân Túc
Đạt chuẩn quốc gia:	x
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập):	1994

Tên Hiệu trưởng:	Kiều Nguyệt Hương Liên
Điện thoại trường:	08.37602799
Fax:	
Web: http://thcstantuc.hcm.edu.vn	
Số điểm trường (nếu có):	

☒ Công lập	☐ Thuộc vùng đặc biệt khó khăn
☐ Dân lập	☐ Trường liên kết với nước ngoài
☐ Tư thục	☐ Có học sinh khuyết tật
☐ Loại hình khác (ghi rõ).....	☒ Có học sinh bán trú
	☐ Có học sinh nội trú

1. Trường phụ (nếu có)

Số TT	Tên trường phụ	Địa chỉ	Diện tích	Khoảng cách với trường (km)	Tổng số học sinh của trường phụ	Tổng số lớp (ghi rõ số lớp từ lớp 6 đến lớp 9)	Tên cán bộ phụ trách trường phụ
	Không có						

2. Thông tin chung về lớp học và học sinh

Số liệu tại thời điểm tự đánh giá:

	Tổng số	Chia ra			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
Học sinh	1861	524	474	413	450
<i>Trong đó:</i>					
- Học sinh nữ:	909	254	239	189	227
- Học sinh dân tộc thiểu số:	50	15	11	13	11
- Học sinh nữ dân tộc thiểu số:	21	6	2	6	7
Học sinh tuyển mới vào lớp 6	524	524			
<i>Trong đó:</i>					
- Học sinh nữ:	254	254			
- Học sinh dân tộc thiểu số:	15	15			
- Học sinh nữ dân tộc thiểu số:	6	6			
Học sinh lưu ban năm học trước:	2				
<i>Trong đó:</i>					
- Học sinh nữ:	0				
- Học sinh dân tộc thiểu số:					
- Học sinh nữ dân tộc thiểu số:					
Học sinh chuyển đến trong hè:	22				
Học sinh chuyển đi trong hè:	14				
Học sinh bỏ học trong hè:					
<i>Trong đó:</i>					
- Học sinh nữ:					
- Học sinh dân tộc thiểu số:					
- Học sinh nữ dân tộc thiểu số:					
Nguyên nhân bỏ học					
- Hoàn cảnh khó khăn:					
- Học lực yếu, kém:					
- Xa trường, đi lại khó khăn:					
- Thiên tai, dịch bệnh:					
- Nguyên nhân khác:					
Học sinh là Đội viên:	1861	524	474	413	450
Học sinh là Đoàn viên:	0	0	0	0	0
Học sinh bán trú dân nuôi:	0	0	0	0	0
Học sinh nội trú dân nuôi:					
Học sinh khuyết tật hoà nhập:	3				
Học sinh thuộc diện chính sách					
- Con liệt sĩ:	0		0	0	0
- Con thương binh, bệnh binh:	0		0	0	0
- Hộ nghèo – Cận nghèo					
- Vùng đặc biệt khó khăn:					

3. Thông tin về nhân sự

Số liệu tại thời điểm tự đánh giá:

	Tổng số	Trong đó nữ	Chia theo chế độ lao động						Dân tộc thiểu số	
			Biên chế		Hợp đồng		Thỉnh giảng		Tổng số	Nữ
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ		
Cán bộ, giáo viên, nhân viên	82	60	82	60	0	0	0	0	0	0
Đảng viên	45	34	45	34	0	0	0	0	0	0
- Đảng viên là giáo viên:	39	30	39	30	0	0	0	0	0	0
- Đảng viên là cán bộ quản lý:	3	2	3	2	0	0	0	0	0	0
- Đảng viên là nhân viên:	2	2	2	2	0	0	0	0	0	0
Giáo viên giảng dạy:										
- Thể dục:	5	0	5	0						
- Âm nhạc:	1	1	1	1						
- Mỹ thuật:	2	1	2	1						
- Tin học:	4	3	4	3						
- Tiếng dân tộc thiểu số:										
- Tiếng Anh:	8	7	8	7						
- Tiếng Pháp:										
- Tiếng Nga:										
- Tiếng Trung:										
- Ngoại ngữ khác:										
- Ngữ văn:	10	9	10	9						
- Lịch sử:	6	4	6	4						
- Địa lý:	5	5	5	5						
- Toán học:	13	8	13	8						
- Vật lý:	4	3	4	3						
- Hoá học:	3	2	3	2						
- Sinh học:	6	6	6	6						
- Giáo dục công dân:	3	3	3	3						
- Công nghệ:	5	2	5	2						
- Môn học khác:...										
Giáo viên chuyên trách đội:										
Giáo viên chuyên trách đoàn:										
Cán bộ quản lý:	3	2	3	2						
- Hiệu trưởng:	1	1	1	1						
- Phó Hiệu trưởng:	2	1	2	1						
Nhân viên	8	5	8	5						
- Văn phòng (văn thư, kế toán, thủ quỹ, y tế):	4	4	4	4						

- Học sinh mồ côi cha hoặc mẹ:					
- Học sinh mồ côi cả cha, mẹ:					
- Diện chính sách khác:	1				
Học sinh học tin học:					
Học sinh học tiếng dân tộc thiểu số:					
Học sinh học ngoại ngữ:					
- Tiếng Anh:	1861	524	474	413	450
- Tiếng Pháp:					
- Tiếng Trung:					
- Tiếng Nga:					
- Ngoại ngữ khác:					
Học sinh theo học lớp đặc biệt					
- Học sinh lớp ghép:					
- Học sinh lớp bán trú:					
- Học sinh bán trú dân nuôi:					
Các thông tin khác (nếu có)...					

Số liệu của 04 năm gần đây:

Năm học	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Sĩ số bình quân học sinh trên lớp	44,02%	42,2%	42,4%	41,3%
Tỷ lệ học sinh trên giáo viên	23,7%	23,44%	23,92%	23,3%
Tỷ lệ bỏ học	0.58%	0,42%	0,8%	0,48%
Tỷ lệ học sinh có kết quả học tập dưới trung bình.	0.22%	0,16%	0.22%	0,16%
Tỷ lệ học sinh có kết quả học tập trung bình	15.9%	17,26%	16,99%	14,25%
Tỷ lệ học sinh có kết quả học tập khá	35.4%	35,6%	38,39%	37,7%
Tỷ lệ học sinh có kết quả học tập giỏi và xuất sắc	48.6%	46,98%	44,4%	47,88%
Số lượng học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi	Huyện: 32 Thành phố: 5	Huyện: 29 Thành phố: 9	Huyện: 31 Thành phố: 7	Huyện: 27 Thành phố: 9
Các thông tin khác (nếu có)...				

4. Danh sách cán bộ quản lý

	Họ và tên	Chức vụ, chức danh, danh hiệu nhà giáo, học vị, học hàm	Điện thoại, Email
Chủ tịch Hội đồng quản trị/ Hội đồng trường			
Hiệu trưởng	Kiều Nguyệt Hương Liên	- Hiệu trưởng	0972873177
Các Phó Hiệu trưởng	1. Trần Thị Mẫn 2. Phạm Ngọc Linh	- Phó Hiệu trưởng - Phó Hiệu trưởng	0909918589 0908431412
Các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng phụ trách Đội, Công đoàn,... (liệt kê)	Kiều Nguyệt Hương Liên Nguyễn Thị Hồng Thắm Trần Thanh Tuyền Nguyễn Đăng Khoa	-Bí Thư Chi Bộ -Chủ tịch Công Đoàn - Bí Thư Chi Đoàn - Tổng phụ trách Đội	0972873177 0973339697 0765232760 0982134671
Các Tổ trưởng tổ chuyên môn (liệt kê)	Phan Thị Kim Xuyên Nguyễn Đăng Khoa Dương Hoàng Lân Lê Thành Trung Nguyễn Thị Thùy Trang Phan Thị Một Nguyễn Thanh Hiệu Nguyễn Hoàn Thiên Trí	1. Tổ trưởng Tổ Văn Phòng 2. Tổ trưởng Tổ Toán 3. Tổ trưởng Tổ Ngữ Văn 4. Tổ trưởng Tổ Tiếng Anh 5. Tổ trưởng Địa lý - Lịch Sử -GDCD 6. Tổ trưởng KHTN 7. Tổ trưởng GDTC - NT 8. Công nghệ - Tin học	0906754974 0982134671 0915847927 0385703569 0907970346 0393974410 0935397009 0368975738

II. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

1. Cơ sở vật chất, thư viện trong 4 năm gần đây

	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2021-2022
Tổng diện tích đất sử dụng của trường (tính bằng m²):	18.158 m ²	18.158 m ²	18.158 m ²	18.158 m ²
1. Khối phòng học theo chức năng:				
<i>Số phòng học văn hoá:</i>	45	45	45	45
<i>Số phòng học bộ môn:</i>	8	8	8	8
- Phòng học bộ môn Vật lý:	1	1	1	1
- Phòng học bộ môn Hoá học:	1	1	1	1
- Phòng học bộ môn Sinh học:	1	1	1	1
- Phòng học bộ môn Tin học:	2	2	2	2

- Thư viện:	1	1			1	1				
- Thiết bị dạy học:	1	1	1	1						
- Bảo vệ:	0	0	0	0	0	0				
- Nhân viên khác: cấp dưỡng	0	0			0	0				
Các thông tin khác (nếu có)...										
Tuổi trung bình của giáo viên cơ hữu:										

Số liệu của 04 năm gần đây:

	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Số giáo viên chưa đạt chuẩn đào tạo	0	0	0	0
Số giáo viên đạt chuẩn đào tạo	13	13	4	2
Số giáo viên trên chuẩn đào tạo	65	65	69	73
Số giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện, quận, thị xã, thành phố	Cấp Huyện: 3	Cấp Huyện: 1	Cấp Huyện: 3	Cấp Huyện: 7 GVCNG
Số giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	0	0	0	0
Số giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp quốc gia	0	0	0	0
Số lượng bài báo của giáo viên đăng trong các tạp chí trong và ngoài nước	0	0	0	0
Số lượng sáng kiến, kinh nghiệm của cán bộ, giáo viên được cấp có thẩm quyền nghiệm thu	6	8	11	8
Số lượng sách tham khảo của cán bộ, giáo viên được các nhà xuất bản ấn hành	0	0	0	0
Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)	0	0	0	0
Các thông tin khác (nếu có)...				

- Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường (cuốn):	1.373 cuốn	15.373 cuốn	13.331 cuốn	13.335 cuốn
- Máy tính của thư viện đã được kết nối internet (có hoặc không)	5	5	5	5
- Các thông tin khác (nếu có)...				
5. Tổng số máy tính của trường:	111	111	114	107
- Dùng cho hệ thống văn phòng và quản lý:	15	15	14	15
- Số máy tính đang được kết nối internet:	111	111	115	107
- Dùng phục vụ học tập:	96	96	96	92
6. Số thiết bị nghe nhìn:				
- Tivi:	2	2	2	4
- Nhạc cụ:	1	1	1	
- Đầu Video:	0	0	0	
- Đầu đĩa:	0	0	0	
- Máy chiếu OverHead:	0	0	0	
- Máy chiếu Projector:	0	0	0	8
- Thiết bị khác:cát xét	3	3	3	7
7. Các thông tin khác (nếu có)...				



2. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 4 năm gần đây

	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng kinh phí được cấp từ ngân sách Nhà nước	17.087.418.000	20.745.464.452	10.096.000.000	10.846.078.000
Tổng kinh phí được chi trong năm (đối với trường ngoài công lập)				
Tổng kinh phí huy động được từ các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cá nhân,...	310.360.000	348.660.000	456.376.000	330.300.000

- Phòng học bộ môn Ngoại ngữ:			1	1
- Phòng học bộ môn khác:	3	3	3	3
2. Khối phòng phục vụ học tập:				
- Phòng giáo dục rèn luyện thể chất hoặc nhà đa năng:	1	1	1	1
- Phòng giáo dục nghệ thuật:	1	1	1	1
- Phòng thiết bị giáo dục:	1	1	1	1
- Phòng truyền thông	1	1	1	1
- Phòng Đoàn, Đội:	1	1	1	1
- Phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật hoà nhập:				
- Phòng khác:...	1	1	1	1
3. Khối phòng hành chính quản trị				
- Phòng Hiệu trưởng	1	1	1	1
- Phòng Phó Hiệu trưởng:	2	2	2	2
- Phòng giáo viên:	1	1	1	1
- Văn phòng:	1	1	1	1
- Phòng y tế học đường:	1	1	1	1
- Kho:	1	1	1	1
- Phòng thường trực, bảo vệ	1	1	1	1
- Khu nhà ăn, nhà nghỉ đảm bảo điều kiện sức khoẻ học sinh bán trú (nếu có)	1	1	1	1
- Khu đất làm sân chơi, sân tập:	1	1	1	1
- Khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên:	2	2	2	2
- Khu vệ sinh học sinh:	8	8	8	8
- Khu để xe học sinh:	1	1	1	1
- Khu để xe giáo viên và nhân viên:	1	1	1	1
- Các hạng mục khác (nếu có):...				
4. Thư viện:				
- Diện tích (m ²) thư viện (bao gồm cả phòng đọc của giáo viên và học sinh):	168 m ²	168 m ²	168 m ²	168 m ²

Các thông tin khác (nếu có)...				
--------------------------------	--	--	--	--

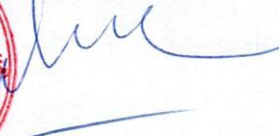
Người lập bảng



Phan Thị Kim Xuyên



HIỆU TRƯỞNG



Kiều Nguyệt Hương Liên

T. P. HỒ CHÍ MINH